

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K
TỈNH HÒA BÌNH**

Bản án số: 13/2021/HNGĐ-ST
Ngày 27/7/2021
(Về việc: Tranh chấp hôn nhân và
gia đình)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đà Giang

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Quách Ngọc Ánh
Ông Ngô Trung Tính

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2021 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 16/6/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/7/2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (có mặt);

Bị đơn: Anh Bùi Văn H, sinh năm 1988 (vắng mặt không có lý do).

Đều đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Xóm Tr, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội

Địa chỉ: 169 phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người được ủy quyền: ông Lê Việt Hà, chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hòa Bình.

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị (M) và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 07/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình đúng quy định của pháp luật. Quá trình chung sống do anh H hay uống rượu say không lo tìm việc làm, chị đi làm kiếm tiền lo cho con về nhà

còn bị anh chửi, đánh vợ con. Chị đi làm công ty nhưng anh H ở nhà không cho con đi học, nên vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân gần một năm. Khi chị đề cập đến việc ly hôn, tại gia đình anh H đã đồng ý và viết giấy thỏa thuận. Tuy nhiên, trong thời gian ly thân và giải quyết ly hôn anh H thường xuyên đe dọa chị, không muốn ly hôn và nói với chị không ly hôn để chị không lấy được chồng khác. Quá trình giải quyết ly hôn anh H không hợp tác bảo chị tự giải quyết, anh không muốn tham gia nhiều lần. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, sau nhiều lần khuyên nhủ anh H không thay đổi lối sống, nên chị kiên quyết đề nghị Tòa án xem xét cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị M và anh H có hai con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 22/9/2009 và Bùi Ch, sinh ngày 13/12/2013. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cả hai con vì anh H thường xuyên say rượu, không đi làm nên không thể trực tiếp nuôi con được. Anh chị đã hòa giải, anh chỉ không đồng ý ly hôn, còn nếu ly hôn anh cũng đồng ý để chị nuôi cả hai con. Ban đầu, chị M yêu cầu anh Bùi Văn H cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 (hai triệu đồng)/ tháng/ 02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án. Tuy nhiên, quá trình hòa giải chị xin rút lại yêu cầu cấp dưỡng nuôi con vì nhận thấy anh H không đủ khả năng cấp dưỡng nuôi con. Nếu anh H muốn thăm con chị tạo điều kiện, không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị có tài sản chung là 01 chiếc xe máy, 01 vườn keo khoảng 2000 cây tại xóm Tr, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình, 01 con bò mua được do vay vốn từ Ngân hàng chính sách xã hội. Chị và anh H đã tự thỏa thuận để lại cho anh H sở hữu hết nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Về công nợ: Chị M xác nhận vợ chồng chị có vay nợ Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và lãi phát sinh theo sổ vay vốn mã khách hàng 7056123840. Chị và anh H đã thỏa thuận anh H có trách nhiệm tiếp tục thực hiện hợp đồng vay vốn theo sổ vay vốn mã khách hàng 7056123840 và có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội toàn bộ số nợ trên.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn dân sự sơ thẩm.

Bị đơn (anh Bùi Văn H) theo biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị M đăng ký kết hôn tại UBND xã T ngày 07/8/2009 trên cơ sở tự nguyện. Quá trình chung sống thỉnh thoảng anh uống rượu say nhưng anh không đánh vợ con. Anh không có việc làm nên không lo được cho gia đình. Anh không đồng ý ly hôn, có nguyện vọng muốn đoàn tụ.

Về con chung: Anh H xác nhận vợ chồng anh có hai con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 22/9/2009 và Bùi Ch, sinh ngày 13/12/2013. Do anh không có công việc ổn định, không có thu nhập đảm bảo, lại uống rượu vì buồn chán nên

nếu Tòa án giải quyết ly hôn chấp nhận cho chị M ly hôn với anh thì anh đồng ý để chị M trực tiếp nuôi hai con. Anh chưa thể cấp dưỡng nuôi con vì chưa có thu nhập đảm bảo thực hiện nghĩa vụ.

Về tài sản chung: Anh H khai có một xe máy sirius, 01 con trâu, 01 vườn keo khoảng 2.000 cây tại xóm Tr, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình, anh H và chị M đã tự thỏa thuận nếu ly hôn anh H toàn quyền sở hữu, nên anh H và chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Anh H và chị M nợ Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hòa Bình số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng và lãi theo sổ vay vốn với Ngân hàng chính sách. Anh đồng ý chịu trách nhiệm trả số tiền trên vì tài sản chung chị M và anh đã tự thỏa thuận anh là người sở hữu.

Về án phí: Anh đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hoà Bình tiếp tục đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn lần thứ hai không có lý do trên cơ sở ý kiến của bị đơn ghi nhận trong biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải, đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng chính sách xã hội, ông Lê Việt Hà trình bày:

Ngân hàng chính sách xã hội giữ nguyên quan điểm đồng ý với thỏa thuận của chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn H, đề nghị anh Bùi Văn H có trách nhiệm tiếp tục thực hiện theo thỏa thuận tại sổ vay vốn mã khách hàng 7056123840 giữa anh Bùi Văn H và Ngân hàng chính sách xã hội thông qua phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hòa Bình: anh Bùi Văn H có nghĩa vụ trả Ngân hàng chính sách số tiền vay 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng khi đến hạn và lãi phát sinh theo sổ vay vốn mã khách hàng 7056123840 và chịu án phí với số tiền vay.

** Kiểm sát viên – đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn quá trình Tòa án triệu tập tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đã được Tòa án thông báo hợp lệ, có mặt nhưng còn trốn tránh và chưa hoàn toàn hợp tác trong các phiên họp, hòa giải, tự ý bỏ về khi Tòa án chưa thực hiện xong công việc. Tòa án đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, niêm yết quyết định hoãn phiên tòa theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Bùi Văn H. Về con chung: giao

hai con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 22/9/2009 và Bùi Ch, sinh ngày 13/12/2013 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh H. Về tài sản chung anh H và chị M xác nhận đã tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết, do vậy đề nghị không xem xét giải quyết. Về công nợ chung biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải thể hiện anh Bùi Văn H nhất trí có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội số nợ 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng và lãi phát sinh, được sự đồng ý của Ngân hàng chính sách xã hội, nên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ trả nợ đối với anh Bùi Văn H toàn bộ số nợ trên. Về án phí, chị Nguyễn Thị M phải chịu toàn bộ án phí ly hôn không có giá ngạch, anh Bùi Văn H không phải chịu án phí về công nợ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến tại phiên tòa, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Chị Nguyễn Thị M khởi kiện vụ án về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” đối với bị đơn là anh Bùi Văn H có hộ khẩu thường trú tại xóm Tr, xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình nên việc Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Hòa Bình thụ lý là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn đều tuân thủ quy định của pháp luật, có mặt đầy đủ khi được triệu tập, thông báo. Bị đơn đã tham gia phiên họp, phiên hòa giải theo thông báo của Tòa án nhưng quá trình giải quyết chưa hoàn toàn hợp tác, còn trốn tránh trong quá trình giải quyết vụ án, theo yêu cầu của nguyên đơn về việc không tiếp tục hòa giải, hoàn toàn có đủ cơ sở để đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung:**

Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị M và anh Bùi Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tình hiểu, đăng ký kết hôn ngày 07/8/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hòa Bình đúng quy định của pháp luật.

Trên cơ sở các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện vợ chồng anh chị trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế khó khăn, thiếu sự sẻ chia, quan tâm trong việc nuôi dạy, chăm sóc con chung. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải, chị Nguyễn Thị M kiên quyết ly hôn, anh Bùi Văn H không muốn ly hôn nhưng cũng không có hành động hàn gắn hay sửa đổi bản thân, né tránh khi cán bộ Tòa án yêu cầu nhận văn bản tố tụng. Chị M kiên quyết xin ly hôn do tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đã ly hôn hơn một năm và anh H không thay đổi vẫn say rượu và đe dọa chị. Mặc dù

anh H có nguyện vọng đoàn tụ, nhưng từ chối không tiếp tục đến Tòa án tham gia hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải thêm, phải đưa vụ án ra xét xử.

Xét thấy tình trạng hôn nhân của chị M và anh H là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị M xin ly hôn anh H đủ căn cứ, nguyện vọng chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Cần chấp nhận yêu cầu của chị M về việc ly hôn.

Về con chung:

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nhận thấy, con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 22/9/2009 và Bùi Ch, sinh ngày 13/12/2013 có nguyện vọng được ở với mẹ. Quá trình xác minh nhận thấy mâu thuẫn gia đình xuất phát từ nguyên nhân do kinh tế khó khăn và không có sự quan tâm của anh H đến con chung. Bản thân anh H do công việc, thu nhập không ổn định và không đảm bảo nên không đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 22/9/2009 và Bùi Ch, sinh ngày 13/12/2013, tại biên bản lấy lời khai và biên bản hòa giải anh H cũng đề nghị nếu ly hôn chị M trực tiếp nuôi hai con. Do vậy, Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao con là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 22/9/2009 và Bùi Ch, sinh ngày 13/12/2013 cho chị Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án là đảm bảo quyền và lợi ích của các bên đương sự và nguyện vọng của các con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom đối với con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị M chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Bùi Văn H.

Về tài sản chung: Anh chị đều xác nhận tự thỏa thuận về tài sản chung, không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về công nợ chung: Tại biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải anh Bùi Văn H xác nhận nợ Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hòa Bình số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và lãi phát sinh theo sổ vay vốn mã khách hàng 7056123840. Tại biên bản lấy lời khai, phiên hòa giải và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M cũng xác nhận nợ Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hòa Bình số tiền 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng. Tại phiên hòa giải anh chị đã thỏa thuận anh H có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội số tiền này và được sự đồng ý của Ngân hàng, tuy nhiên bị đơn và Ngân hàng chính sách không có mặt tại phiên tòa nên không công nhận sự thỏa thuận của các đương sự được mà cần xét xử và tuyên nghĩa vụ trả nợ cho anh Bùi Văn H.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí ly hôn, anh Bùi Văn H không phải chịu án phí dân sự về phần công nợ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 4 Điều 39; khoản 4 Điều 147; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 37; 51; khoản 1 Điều 53; 56; 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 463; khoản 3 Điều 465; 466; khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Bùi Văn H. Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Bùi Văn H.

2. Về con chung:

Giao hai con là Bùi Thị Thu H, sinh ngày 22/9/2009 và Bùi Ch, sinh ngày 13/12/2013 cho chị Bùi Thị M trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Tòa án.

Anh Bùi Văn H có nghĩa vụ, quyền thăm nom đối với con chung mình không trực tiếp nuôi dưỡng mà không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của anh Bùi Văn H cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có quyết định khác theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Anh chị đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

4. Về công nợ chung: Anh Bùi Văn H có trách nhiệm tiếp tục thực hiện theo sổ vay vốn mã khách hàng 7056123840, trả nợ Ngân hàng chính sách xã hội thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện K, tỉnh Hòa Bình số tiền 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng khi đến hạn và lãi phát sinh.

5. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị Nguyễn Thị M đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0005268 ngày 01/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Hòa Bình, nay chuyển thành án phí của chị M.

6. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, Người đại diện theo ủy quyền của Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- *TAND tỉnh Hòa Bình;*
- *VKSND huyện K;*
- *Chi cục THADS huyện K;*
- *UBND xã T;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu: VT, hồ sơ vụ án.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên Tòa

Nguyễn Thị Đà Giang

